

Số: 582/BC-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2023

**BÁO CÁO TÓM TẮT**

Về tình hình thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội và một số kiến nghị

Kính gửi: Quốc hội

Chính phủ đã có Báo cáo số 581/BC-CP ngày 20/10/2023 trình Quốc hội về tình hình thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (Chương trình) và một số kiến nghị. Sau đây xin tóm tắt một số nội dung chủ yếu:

**I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 43/2022/QH15**

Nhìn chung, gần 02 năm triển khai cho thấy việc ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 là quyết sách đúng đắn, kịp thời của Quốc hội trong hoàn cảnh tình hình kinh tế - xã hội của đất nước đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Nghị quyết được ban hành tại Kỳ họp bất thường lần thứ nhất của Quốc hội với nhiều chính sách chưa từng có tiền lệ hỗ trợ cho công tác phòng, chống, kiểm soát dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện Nghị quyết đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cổ vũ tinh thần cho người dân, doanh nghiệp và bổ sung một nguồn lực lớn từ ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và phát triển nhanh sau dịch Covid-19, được sự đồng thuận, hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân, thành phần kinh tế.

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội, Chính phủ đã khẩn trương xây dựng và ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 nhằm triển khai, cụ thể hóa các quyết sách được Quốc hội quyết nghị. Với sự giám sát, đồng hành, hỗ trợ của Quốc hội, sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương đã nỗ lực, quyết tâm, triển khai các nhiệm vụ được giao, hoàn thành khối lượng lớn công việc. Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan xây dựng, ban hành đầy đủ 17 văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn<sup>1</sup> để cụ thể hóa các chính sách theo yêu cầu tại Nghị quyết số 11/NQ-CP. Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân và doanh nghiệp đã đạt một số kết quả đáng ghi nhận, đến hết tháng 9/2023 giải ngân các chính sách hỗ trợ đạt hơn 96,4 nghìn tỷ đồng.

<sup>1</sup> Tổng số 17 văn bản bao gồm: 06 Nghị định của Chính phủ, 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 06 Thông tư, văn bản hướng dẫn thuộc thẩm quyền của các Bộ.

Tuy nhiên, một số chính sách đã hết thời gian thực hiện hoặc sử dụng hết nguồn lực nhưng cần tiếp tục triển khai<sup>2</sup>, một số chính sách có nguồn lực lớn nhưng kết quả thực hiện còn hạn chế<sup>3</sup>, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình còn chậm<sup>4</sup>, có khả năng không thực hiện được các mục tiêu đã đề ra của chính sách.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí:

a) **Kết quả thực hiện:** (1) Giảm 2% thuế giá trị gia tăng đạt 44.458 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch; (2) Đối với việc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam, hiện nay chưa có kết quả thực hiện do chưa đến thời hạn quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có kỳ tính thuế không theo năm dương lịch. Chính phủ sẽ chỉ đạo Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo số liệu này trong thời gian tới.

b) **Khó khăn, vướng mắc:** Đối với chính sách giảm thuế giá trị gia tăng, các khó khăn, vướng mắc bao gồm: (1) Cách xác định hàng hóa, dịch vụ giảm thuế; (2) Thời điểm lập hóa đơn; (3) Cần phải lập hóa đơn riêng đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế.

c) **Nguyên nhân:** (1) Nhiều nội dung chính sách chưa có tiền lệ, chưa bao quát đủ các tình huống phát sinh; (2) Một số quy định chưa được hướng dẫn, giải thích đầy đủ, phát sinh lúng túng trong thực hiện.

### 2. Chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

a) **Kết quả thực hiện:** Đến cuối tháng 8/2023, số tiền hỗ trợ lãi suất đạt khoảng 781 tỷ đồng, tương đương 1,95% nguồn lực được Quốc hội quyết định, dư nợ đạt gần 57.000 tỷ đồng cho hơn 2.100 khách hàng.

b) **Khó khăn, vướng mắc:** Kết quả thực hiện thấp, dự kiến đến hết năm 2023 chỉ đạt khoảng 1.408 tỷ đồng, tương đương 3,5% nguồn lực. Trong số các ngành, lĩnh vực được hỗ trợ lãi suất, chỉ có khoảng 13% khách hàng đáp ứng điều kiện thụ hưởng, trong đó 67% khách hàng không có nhu cầu hỗ trợ.

c) **Nguyên nhân:** (1) Khách hàng e ngại công tác thanh, kiểm tra; (2) Khó xác định đối tượng thuộc diện “có khả năng phục hồi”; (3) Một số khách hàng không có nhu cầu do đã thụ hưởng lãi suất ưu đãi theo chương trình riêng của ngân hàng thương mại; (4) Nhiều hộ gia đình sản xuất, kinh doanh không đăng ký hộ kinh doanh nên không thuộc đối tượng thụ hưởng; (5) Nhu cầu hỗ trợ của khách

<sup>2</sup> Các chính sách miễn, giảm thuế, phí, chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động đã hết thời gian thực hiện, chính sách cho vay ưu đãi hỗ trợ tạo việc làm thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội đã sử dụng hết nguồn lực (10.000 tỷ đồng).

<sup>3</sup> Chính sách hỗ trợ 2% lãi suất được bố trí 40.000 tỷ đồng. Đến hết tháng 8/2023 mới thực hiện được 781 tỷ đồng.

<sup>4</sup> Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 của Chương trình cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình đến ngày 30/9/2023 đạt 50.739 tỷ đồng, tương đương 28,9% kế hoạch vốn được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết (175.217,783 tỷ đồng).

hàng thay đổi so với thời điểm ban hành chính sách; (6) Khó bóc tách chi phí vay đối với doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề.

### 3. Chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) **Kết quả thực hiện:** Hết tháng 9/2023, Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân tín dụng ưu đãi đạt 21.291 tỷ đồng cho hơn 366 nghìn lượt khách hàng<sup>5</sup>, trong đó: (1) Cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến đạt 834 tỷ đồng<sup>6</sup>; (2) Cho vay hỗ trợ việc làm đạt 10.000 tỷ đồng<sup>7</sup>; (3) Cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt 1.975 tỷ đồng<sup>8</sup>; (4) Cho vay nhà ở xã hội đạt 8.331 tỷ đồng<sup>9</sup>; (5) Cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đạt 151 tỷ đồng<sup>10</sup>. Hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng vay vốn theo các chính sách tín dụng có lãi suất trên 6% đạt 2.751 tỷ đồng<sup>11</sup>.

b) **Khó khăn, vướng mắc:** Dự kiến kế hoạch nguồn vốn của 04 chính sách tín dụng ưu đãi không sử dụng hết khoảng 15.500 tỷ đồng<sup>12</sup>, trong khi đó chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm đã giải ngân hết kế hoạch từ năm 2022, có nhu cầu thực hiện tiếp<sup>13</sup>. Thực hiện kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>14</sup>, Chính phủ đang tổ chức thực hiện điều chuyển kế hoạch vốn giữa các chương trình tín dụng ưu đãi để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội khẩn trương giải ngân hết số vốn được bổ sung trong năm 2023. Dự kiến việc điều chỉnh sẽ đáp ứng nhu cầu vay vốn cho thêm hơn 272 nghìn hộ gia đình và hỗ trợ tạo, duy trì và mở rộng việc làm cho khoảng 345 nghìn lao động trên toàn quốc.

c) **Nguyên nhân:** Việc tổng hợp, xây dựng nhu cầu vay vốn chưa phù hợp với nhu cầu, tính khả thi và khả năng triển khai thực tế. Dịch Covid-19 được kiểm soát, kinh tế - xã hội phục hồi cũng làm giảm nhu cầu của một số chương trình tín dụng.

### 4. Chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động:

a) **Kết quả thực hiện:** Đã giải ngân khoảng 3.679,3 tỷ đồng hỗ trợ tiền thuê nhà cho 128.746 lượt người sử dụng lao động và 5.194.162 lượt lao động<sup>15</sup>.

b) **Khó khăn, vướng mắc:** Việc lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ chậm do người lao động, người sử dụng lao động muốn gộp 03 tháng tiền thuê nhà vào làm thủ tục 01 lần, hồ sơ đề nghị dồn vào một thời điểm (tháng 7, 8 năm 2022), gây áp lực trong việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ.

<sup>5</sup> Đạt 55,4% tổng quy mô chính sách được Quốc hội quyết nghị (38.400 tỷ đồng).

<sup>6</sup> Tương đương 27,8% kế hoạch (3.000 tỷ đồng).

<sup>7</sup> Tương đương 100% kế hoạch (10.000 tỷ đồng).

<sup>8</sup> Tương đương 21,9% kế hoạch (9.000 tỷ đồng).

<sup>9</sup> Tương đương 55,5% kế hoạch (15.000 tỷ đồng).

<sup>10</sup> Tương đương 10,8% kế hoạch (1.400 tỷ đồng).

<sup>11</sup> Đạt 91,7% tổng quy mô chính sách được Quốc hội quyết nghị (3.000 tỷ đồng).

<sup>12</sup> Dự kiến dư nợ của 04 chương trình cho vay nhà ở chính sách xã hội, cho vay học sinh, sinh viên mua máy tính và thiết bị học tập trực tuyến, cho vay các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập, cho vay phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến hết năm 2023 là 12.900 tỷ đồng/tổng số 28.400 tỷ đồng được bố trí.

<sup>13</sup> Nhu cầu 79.040 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Tại Thông báo số 2878/TB-TTKQH ngày 16/10/2023.

<sup>15</sup> Số lao động dự kiến hỗ trợ là 4 triệu người theo Báo cáo số 01/BC-CP ngày 02/01/2022 của Chính phủ về Đề án chính sách tài khóa, tiền tệ để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH.

c) Nguyên nhân: (1) Thay đổi trong nhu cầu hỗ trợ của người lao động so với thời điểm xây dựng chính sách; (2) Các địa phương rà soát đối tượng chưa sát thực tế<sup>16</sup>; (3) Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa quyết liệt, còn có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm, thận trọng quá mức làm phát sinh thêm thủ tục hành chính so với yêu cầu; (4) Một số người sử dụng lao động e ngại công tác thanh, kiểm tra; (5) Thiếu cơ sở dữ liệu về người lao động.

### 5. Chính sách đầu tư công và đầu tư phát triển khác:

a) Kết quả thực hiện: (1) Đã xây dựng danh mục và mức vốn bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và các nguyên tắc, tiêu chí, đối tượng bố trí vốn; (2) Đã khẩn trương, nỗ lực hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình trong thời gian ngắn, kể cả các dự án quan trọng quốc gia, quy mô lớn cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, địa phương; (3) Đã phân bổ chi tiết hơn 166 nghìn tỷ đồng vốn Chương trình trong kế hoạch các năm 2022, 2023, góp phần đẩy nhanh việc khởi công xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đường cao tốc, cầu khẩu độ lớn...<sup>17</sup>.

b) Khó khăn, vướng mắc: (1) Việc hoàn thiện thủ tục đầu tư, phân bổ, giao kế hoạch vốn cho một số nhiệm vụ, dự án còn chậm, có khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn của Chương trình trong thời gian quy định; (2) Một số dự án không hoàn thiện thủ tục đầu tư đúng thời hạn, không được tiếp tục phân bổ nguồn vốn Chương trình.

c) Nguyên nhân: (1) Việc rà soát danh mục nhiệm vụ, dự án trong thời gian ngắn, chưa đủ thời gian đánh giá, dự báo được đầy đủ các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực tế so với thời điểm tổng hợp, xây dựng Chương trình; (2) Cần thời gian hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công trước khi báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giao kế hoạch vốn.

6. Chính sách sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam và Quỹ Phát triển khoa học công nghệ của doanh nghiệp: (1) Việc sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chưa có số liệu thực hiện do việc báo cáo trích lập, điều chuyển và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được tổng hợp theo niên độ với độ trễ 01 năm; (2) Đối với việc sử dụng Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam: Việc trang bị máy tính bảng theo Chương trình “Sóng và máy tính cho em” đang được đánh giá, chuyển hướng hỗ trợ do học sinh đã đi học trực tiếp trở lại; việc hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông đang thực hiện theo các nội dung tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 và Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025.

<sup>16</sup> Thống kê cả lao động không có quan hệ lao động, doanh nghiệp dự kiến số lao động quay trở lại thị trường nhiều. Có khoảng 20,5% lao động chỉ đủ điều kiện nhận hỗ trợ từ 01-02 tháng tiền nhà.

<sup>17</sup> Bao gồm 1.109 km đường bộ cao tốc (721km cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, 118km cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, 54km cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, 189km cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, 27km cao tốc Cao Lãnh – An Hữu); 01 cầu dây văng khẩu độ lớn (Cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng),...

7. Đối với việc thực hiện các chính sách tiền tệ, thuế, huy động nguồn lực, các cơ chế đặc thù,... đề nghị đại biểu Quốc hội xem tại Báo cáo đầy đủ.

### **III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

#### **1. Tồn tại, hạn chế:**

(1) Việc xây dựng, ban hành văn bản triển khai chính sách thuộc Chương trình đã được thực hiện tích cực, tuy nhiên một số văn bản còn chậm so với yêu cầu đề ra; (2) Công tác dự báo, tính toán nhu cầu hỗ trợ của một số chính sách trong quá trình xây dựng Chương trình chưa lường hết được khó khăn, vướng mắc trong tổ chức triển khai; trong khi tình hình thế giới, trong nước từ đầu năm 2022 đến nay thay đổi nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới, không thể dự báo; (3) Việc thực hiện và giải ngân một số chính sách đã được ban hành còn thấp so với quy mô nguồn lực được giao; (4) Việc triển khai các chính sách hỗ trợ ở một số nơi, một số chỗ, một số thời điểm còn chưa linh hoạt, chủ động, quyết liệt; (5) Việc phân bổ và giải ngân nguồn vốn của Chương trình cho các nhiệm vụ, dự án còn chậm, tạo áp lực giải ngân lớn, nhất là trong kế hoạch năm 2023.

#### **2. Nguyên nhân**

**a) Nguyên nhân khách quan:** (1) Chương trình được xây dựng và ban hành trong thời gian ngắn để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tuy nhiên tình hình thế giới, khu vực có nhiều biến động, tác động đến tình hình triển khai, nhu cầu, tính khả thi của Chương trình; (2) Hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, dư địa điều hành chính sách tài khóa, tiền tệ bị thu hẹp, thanh khoản nền kinh tế gặp nhiều khó khăn; (3) Công tác phòng chống dịch Covid-19 được triển khai tốt, tạo điều kiện sớm mở cửa nền kinh tế dẫn đến thay đổi nhu cầu hỗ trợ của một số đối tượng; (4) Tâm lý e ngại công tác thanh, kiểm tra của một số đối tượng hỗ trợ; (5) Một số chính sách hỗ trợ lần đầu được xây dựng và triển khai, chưa có tiền lệ, cần thời gian đánh giá cụ thể tác động chính sách trước khi ban hành, nên thời gian ban hành còn chậm; (6) Cần thời gian quán triệt nội dung, cách thức triển khai chính sách, tránh trục lợi; (7) Một số dự án quy mô lớn khó có khả năng giải ngân trong thời gian thực hiện Chương trình.

**b) Nguyên nhân chủ quan:** (1) Việc triển khai có nơi, có lúc còn chưa được quan tâm đúng mức; (2) Tâm lý e ngại, sợ mắc sai phạm của một bộ phận cán bộ; trình tự, thủ tục thực hiện một số chính sách còn phức tạp; (3) Một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa sát sao, quyết liệt trong việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình.

**3. Bài học kinh nghiệm:** (1) Theo dõi sát tình hình, có phương án ứng phó, điều chỉnh kịp thời với các tính huống cấp bách, bất ngờ; nâng cao hiệu quả công tác đánh giá, dự báo tình hình, các rủi ro, bất ổn có thể phát sinh; (2) Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; (3) Nâng cao hiệu quả công tác dự báo, xác định đối tượng thụ hưởng, lường trước các khó khăn, vướng mắc, chủ động giải pháp trong xây dựng và thực hiện chính sách; (4) Nâng cao tính chủ động, phối hợp chặt chẽ, linh hoạt, đồng bộ và thống nhất trong tham mưu, xây dựng, thực hiện và thông tin, truyền thông

về chính sách; đẩy mạnh phân công, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; (5) Chủ động phối hợp chặt chẽ với Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong xây dựng, ban hành, thực hiện, giám sát và đánh giá tình hình triển khai, kịp thời đề xuất phương án điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế; (6) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các hệ thống cơ sở dữ liệu, đặc biệt là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư nhằm triển khai các chính sách hỗ trợ nhanh, hiệu quả, đúng đối tượng.

#### IV. MỘT SỐ NỘI DUNG TRÌNH QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH

**1. Triển khai chính sách hỗ trợ 2% lãi suất cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:** (1) Tiếp tục giao Chính phủ triển khai chính sách hỗ trợ lãi suất 2% cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh theo Nghị quyết số 43/2022/QH15; (2) Đối với số vốn không thực hiện hết khi kết thúc thời gian thực hiện chính sách (dự kiến **38.592 tỷ đồng**), trình Quốc hội hủy dự toán, kế hoạch vốn, không huy động nguồn lực, không làm tăng bội chi.

**2. Sử dụng số vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2021 còn dư sau khi thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động:** Cho phép bổ sung đối tượng vào Nghị quyết số 43/2022/QH15 và bố trí số vốn **2.920,7 tỷ đồng** còn dư sau khi thực hiện chính sách nêu trên cho 05 dự án thuộc ngành y tế, trong đó: (1) **2.420,7 tỷ đồng** cho 04 dự án của Bộ Y tế<sup>18</sup>; (2) **500 tỷ đồng** cho 01 dự án của Đại học Quốc gia Hà Nội<sup>19</sup>.

**3. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình:** Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển của Chương trình đến hết năm 2024. Giao Chính phủ rà soát, xác định rõ số vốn cần kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân của từng dự án, trên cơ sở đó báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định..

Chính phủ kính báo cáo Quốc hội./:

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: KHĐT, TC, LĐTBXH, GTVT, TTTT, YT, KHCN, GDĐT;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH. 45

TM. CHÍNH PHỦ  
TU. THỦ TƯỚNG  
BỘ TRƯỞNG  
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Nguyễn Chí Dũng

<sup>18</sup> Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ (đợt 2) 790 tỷ đồng; Dự án đầu tư trang thiết bị y tế - Bệnh viện Bạch Mai 790 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng khoa khám bệnh - Bệnh viện Bạch Mai 340,7 tỷ đồng; Dự án mua sắm trang thiết bị y tế, cải tạo sửa chữa Bệnh viện Chợ Rẫy 500 tỷ đồng.

<sup>19</sup> Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế - Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà trung tâm khoa khám bệnh và kỹ thuật nghiệp vụ - Bệnh viện Đại học Y Dược của Đề án đầu tư tổng thể Bệnh viện Đại học Y Dược cơ sở Linh Đường (mới), Đại học Quốc gia Hà Nội giai đoạn từ năm 2023-2030.